**ĐÁP ÁN SINH 10 KIỂM TRA HKI – NH: 2017- 2018 CT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 1** |  | **2 điểm** |
| **a.** | - Cấu tạo nên tế bào và cơ thể.  - Dự trữ các axit amin.  - Vận chuyển các chất.  - Bảo vệ cơ thể.  - Thu nhận thông tin.  - Xúc tác cho các phản ứng hóa sinh | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **b.** | Mỗi loại thực phẩm chỉ chứa một số loại aa nhất định nên để cung cấp được tất cả aa cần cho tổng hợp protein thì cần bổ sung từ nhiều nguồn thực phẩm khác nhau. | 0,25 |
| **c.** | Prôtêin đa dạng và đặc thù do số lượng, thành phần và trật tự sắp xếp các axit amin. | 0,25 |
| **Câu 2** |  | **2 điểm** |
|  | Bào quan đó là lục lạp  Cấu trúc: Gồm 2 lớp màng bao bọc.  - Bên trong có chất nền chứa ADN và ribôxôm cùng với hệ thống túi dẹp được gọi là tilacôit.  - Các tilacôit xếp chồng lên nhau tạo thành cấu trúc gọi là grana.  - Các grana trong lục lạp được nối với nhau bằng hệ thống màng.  - Trên màng của tilacôit chứa nhiều chất diệp lục và các enzim quang hợp.  *Chức năng:* Là nơi diễn ra quá trình quang hợp (có chứa chất diệp lục có khả năng chuyển đổi ánh sáng thành năng lượng hóa học tích lũy dưới dạng tinh bột). | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 3** |  | **2 điểm** |
|  | *a. Cấu trúc*  - Màng sinh chất có cấu trúc khảm động,  gồm 2 thành phần chính là lớp kép phôtpholipit và prôtêin.  -Ngoài ra, ở tế bào động vật còn có colestêron làm tăng sự ổn định của màng sinh chất.  - Các thành phần prôtêin, lipoprôtêin, glicôprôtêin làm nhiệm vụ như các giác quan (thụ thể).  Glicôprôtêin là những dấu chuẩn: nhận biết đặc trưng cho từng loại tế bào.  *b. Chức năng*  - Trao đổi chất với môi trường một cách có chọn lọc (bán thấm).  - Prôtêin thụ thể thu nhận thông tin cho tế bào.  - Glicôprôtêin-"dấu chuẩn" giữ chức năng nhận biết nhau và các tế bào "lạ" (tế bào của các cơ thể khác). | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 4** |  | **1,5 điểm** |
|  | – Cơ chế tác động của enzim  + Enzim liên kết với cơ chất tại trung tâm hoạt động tạo phức hợp enzim cơ chất.  + Enzim tương tác với cơ chất tạo sản phẩm. Giải phóng enzim nguyên vẹn. | 0,5  0,25 |
|  | Vì bản chất của enzim là prôtêin,  khi nhiệt độ của môi trường tăng quá cao sẽ làm prôtêin bị biến tính và mất cấu trúc không gian đặc trưng. Vì vậy, khi nhiệt độ môi trường tăng quá giới hạn tối ưu sẽ làm mất dần hoạt tính xúc tác của enzim hoặc ngừng hẳn | 0,25  0,25 |
|  | Tế bào điều hòa hoạt động trao đổi chất thông qua điều khiển hoạt tính của enzim bằng các chất hoạt hóa hoặc ức chế. | 0,25 |
| **Câu 5** |  | **1,5 điểm** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tế bào nhân sơ** | **Tế bào nhân thực** |  |
| - Có ở tế bào vi khuẩn.  - Kích thước nhỏ = 1/10 tế bào nhân thực.  - Chưa có nhân hoàn chỉnh gọi là vùng nhân, chỉ gồm 1 phân tử ADN dạng vòng.  - Trong tế bào chất không có hệ thống nội màng và các bào quan có màng bao bọc. | - Có ở tế bào động vật nguyên sinh, nấm, thực vật, động vật.  - Kích thước lớn hơn.  - Nhân được bao bọc bởi lớp màng, chứa NST và nhân con.  - Trong tế bào chất có hệ thống nội màng và nhiều bào quan có màng bao bọc. | 0,25  0,25    0,5    0,5 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 6 (1 điểm)**  a. Số nuclêôtit của gen N = = =3000 (nu)  Số nuclêôtit từng loại (A, T, G, X)  Theo NTBS => %A=%T =20% => A = T = 3000. 20% = 600 (nu)  %G = %X = 50% -20% = 30% => G = X= 3000. 30% =900 (nu)  b. Số liên kết hyđrô trên gen H= 2A + 3G = 3900. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |